

BÁO CÁO

Thực hiện Kế hoạch Kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Công văn số 612/SGDDĐT-KHTC ngày 02/7/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2016-2020, UBND thành phố Bắc Giang báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KIỂM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ

- Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh Bắc Giang (số 96/KH-UBND ngày 13/5/2016);
- Các quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của UBND tỉnh hàng năm (Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2016; Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018);
- Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo (số 1102/KH-SGDĐT ngày 13/9/2016);
- Các quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 1133/QĐ-SGD&ĐT ngày 31/12/2015 giao Kế hoạch phát triển GD&ĐT năm học 2016-2017; Quyết định số 999/QĐ-SGD&ĐT ngày 30/12/2016 giao Kế hoạch phát triển GD&ĐT năm học 2016-2017; Quyết định số 3798/QĐ-SGD&ĐT ngày 29/12/2017 giao Kế hoạch phát triển GD&ĐT năm học 2018-2019.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Tuyên truyền phổ biến và quán triệt tới cấp ủy và chính quyền các xã, phường về kế hoạch kiên cố hóa trường lớp học; giao nhiệm vụ trọng điểm, trọng tâm đến người đứng đầu các xã, phường cần tập trung giải quyết, trong đó có việc xây dựng phòng học kiên cố, xóa phòng học tạm, học nhờ được giao trong chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương.

Ban hành kế hoạch thực hiện kiên cố hóa trường, lớp trong kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm và trong cả giai đoạn, cụ thể: Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 19/7/2016 của UBND thành phố Bắc Giang về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/7/2016 về phát triển KT-XH thành phố Bắc Giang năm 2017; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 24/7/2017 về phát triển KT-XH thành phố Bắc Giang năm 2018.

Ban hành Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 đầu tư xây dựng mới phân hiệu 2 Trường Mầm non Ngô Quyền với 08 phòng học và các công trình phụ trợ; Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 đầu tư xây dựng mới Trường Mầm non Lê Lợi với 12 phòng học và các công trình phụ trợ với tổng kinh phí 33.481 triệu đồng theo hướng chuẩn quốc gia để xây dựng thêm 02 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

2. Kết quả xây dựng cơ sở vật chất trường học

Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, thành phố đã xây dựng mới thêm 145 phòng học văn hóa, 11 phòng học bộ môn, 01 nhà đa năng và các công trình phụ trợ cho các trường học theo tiêu chuẩn của chuẩn quốc gia phục vụ tốt các hoạt động học tập, giúp giảm tình trạng quá tải. Mở rộng thêm 27.620 m² để xây dựng trường học. Cụ thể:

- Bậc mầm non: Xây mới Trường Mầm non Lê Lợi với 12 phòng học và các công trình phụ trợ; xây mới phân hiệu 2 Trường Mầm non Ngô Quyền với 08 phòng học, 03 phòng học chức năng; xây thêm 10 phòng học cho Trường Mầm non Tân Mỹ và 08 phòng học cho Trường Mầm non Song Khê.

- Bậc tiểu học: Mở rộng thêm 4.500m² đất, xây thêm 18 phòng học cho Trường Tiểu học Tân Tiến; nâng tầng xây thêm 06 phòng học cho Trường Tiểu học Tân Mỹ; xây thêm 04 phòng học cho Trường Tiểu học Đa Mai; nâng tầng xây thêm 05 phòng học cho Trường Tiểu học Dĩnh Trì; xây thêm 08 phòng học cho Trường Tiểu học Đông Thành và xây mới 27 phòng học Trường Tiểu học Song Mai.

- Bậc THCS: Xây mới Trường THCS Lê Quý Đôn theo hướng chuẩn quốc gia với: 20 phòng học, 06 phòng học bộ môn, 01 nhà đa năng, khu Hiệu bộ, khu nội trú và đầy đủ các công trình phụ trợ khác đảm bảo tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia; xây thêm 12 phòng học cho Trường THCS Dĩnh Trì.

3. Kết quả huy động các nguồn vốn và công tác xã hội hóa

Tổng kinh phí đã đầu tư xây dựng từ 2016 đến nay là: 137.751 triệu đồng;

Số đã giải ngân: 137.751 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm của HĐND - UBND tỉnh, sự chỉ đạo sát sao của Thành ủy, HĐND và sự chỉ đạo quyết liệt của UBND thành phố; sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban chuyên môn và UBND các phường, xã; sự tham gia tích cực của các đoàn thể xã hội, của phụ huynh học sinh và giáo viên thông qua việc kiểm tra, giám sát cộng đồng đã góp phần không nhỏ trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch.

Kế hoạch được triển khai thực hiện và hoàn thành theo phân kỳ; tiến độ đầu tư xây dựng, thi công các công trình đảm bảo kế hoạch đề ra. Các công trình có chất lượng đảm bảo theo quy định, đáp ứng được các yêu cầu đề ra.

2. Khó khăn, hạn chế

Một số công trình còn chậm tiến độ, công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực đóng góp của xã hội chưa nhiều.

3. Nguyên nhân khó khăn, hạn chế

Việc thực hiện chế độ báo cáo tiến độ thực hiện các công trình của một số Chủ đầu tư còn chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của UBND thành phố.

Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phát triển mở rộng trường học tu thực đảm bảo phục vụ nhu cầu học tập của con em trên địa bàn thành phố nên công tác huy động nguồn lực cho các trường công lập còn gặp khó khăn.

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2018-2020

1. Mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2020

Thực hiện hoàn thành và vượt kế hoạch các chỉ tiêu tại Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 13/5/2016) của UBND tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 1102/KH-SGDĐT ngày 13/9/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2020 thành phố đạt tỷ lệ kiên cố hóa 100%, không có phòng học tạm, học nhờ; có 100% các trường học đạt chuẩn quốc gia.

2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 24/9/2014 của Thành ủy Bắc Giang và Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động về đổi mới giáo dục, đào tạo.

Hằng năm, xây dựng các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội quan tâm, chú trọng đến tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp, chỉ đạo các xã, phường duy trì vững chắc tỷ lệ kiên cố trường lớp học đạt 100%.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị trường học đảm bảo chất lượng theo quy định tiên chuẩn và các quy định của trường học đạt chuẩn quốc gia.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2016-2020 của UBND thành phố Bắc Giang./.

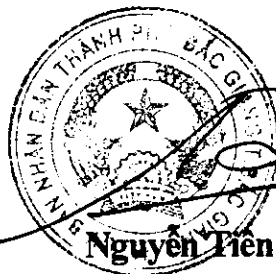
Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Sở GD&ĐT (B/c);
- TT Thành ủy, HĐND, UBND TP (B/c);
- Các phòng: GD&ĐT, TC-KH;
- VP: LĐ, CVVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiên Dũng

NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT BẬC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Báo cáo số ~~244~~ /BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 3

TT	Trường tiểu học	Nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất trong giai đoạn 2018-2020			Kinh phí (Triệu đồng)					
		Diện tích được mở rộng thêm (m ²)	Số phòng học văn hóa	Số phòng phục vụ học tập (GDTC, nghệ thuật, đa năng, truyền thống, đoàn đội, thư viện)	Tổng số	Chia ra				
						NS tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Chi thường xuyên của trường	Các nguồn huy động khác
1	Tổng số	6,303	33	7	62,900	0	62,900	0	0	0
1	Dĩnh Kế		12		14,900		14,900			
2	Lê Hồng Phong		6		3,000		3,000			
3	Đông Thành (Khu dân cư số 2)	6,303	15	7	45,000		45,000			

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT BẠC THCS GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 4

TT	Trường THCS và TH&THCS	Cơ sở vật chất được xây thêm trong giai đoạn 2016-2018				Kinh phí (Triệu đồng)					
		Diện tích được mở rộng thêm (m ²)	Số phòng học văn hóa	Số phòng học bộ môn	Nhà đa năng	Tổng số	Chia ra				
							NS tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Chi thường xuyên của trường	Các nguồn huy động khác
1	Tổng số	15,900	32	6	1	70,800	0	66,400	4,400	0	0
1	Lê Quý Đôn	15,900	20	6	1	62,000		62,000			
2	Dĩnh Trì		12			8,800		4400	4400		

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT BẠC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 27/VBC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 3

TT	Trường tiểu học	Cơ sở vật chất được xây thêm trong giai đoạn 2016-2018			Kinh phí (Triệu đồng)					
		Diện tích được mở rộng thêm (m ²)	Số phòng học văn hóa	Số phòng phục vụ học tập (GDTC, nghệ thuật, đa năng, truyền thống, đoàn đội, thư viện)	Tổng số	Chia ra				
						NS tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Chi thường xuyên của trường	Các nguồn huy động khác
1	Tổng số	4,500	68	0	42,939	0	37,096	5,843	0	0
1	Tân Tiến	4,500	18		14,368		10,058	4,310		
2	Tân Mỹ		6		1,500		1,200	300		
3	Đa Mai		4		3,681		3,681			
4	Dĩnh Trì		5		2,466		1,233	1,233		
5	Đông Thành		8		5,934		5,934			
6	Song Mai		27		14,990		14990			

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT BẠC MÀM NON GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 2

TT	Trường mầm non	Cơ sở vật chất được xây thêm trong giai đoạn 2016-2018			Kinh phí (Triệu đồng)					
		Diện tích được mở rộng thêm (m ²)	Số phòng học văn hóa	Số phòng GDTC, nghệ thuật, thư viện	Tổng số	Chia ra				
						NS tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Chi thường xuyên của trường	Các nguồn huy động khác
1	Tổng số	7,220	45	5	60,012	0	57,855	2,157	0	0
1	Lê Lợi	2,550	12	2	23,461		23,461			
2	Ngô Quyền	1,500	8	3	12,406		12,406			
3	Tân Mỹ		10		10,500		10,500			
4	Tân Tiến	620	7		2,788		2,788			
5	Song Khê	2550	8		10,857		8700	2157		

HIỆN TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC TRƯỜNG MN, PHỔ THÔNG

(Kèm theo Báo cáo số 214/BC-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của UBND thành phố Bắc Giang)

Biểu số 1

TT	Mầm non						Tiểu học						THCS, TH&THCS							
	Trường	Tổng số phòng học	Chia ra			Tỷ lệ phòng học kiên cố	Phòng học nhờ	Trường	Tổng số phòng học	Chia ra			Tỷ lệ phòng học kiên cố	Phòng học nhờ	Trường	Tổng số phòng học	Chia ra			Tỷ lệ phòng học kiên cố
			Kiên cố	Bán KC, Cấp 4	Tạm					Kiên cố	Bán KC, Cấp 4	Tạm					Kiên cố	Bán KC, Cấp 4	Tạm	
1	MN Ngô Quyền	18	18			100%		TH Ngô Sĩ Liên	42	42			100%		THCS Ngô Sĩ Liên	40	40			100%
2	MN Sao Mai	10	10			100%		TH Trần Phú	30	30			100%		THCS Trần Phú	23	23			100%
3	MN Hoa Sen	17	17			100%		TH Võ Thị Sáu	30	30			100%		THCS Hoàng Hoa Thám	16	16			100%
4	MN Lê Lợi	12	12			100%		TH Lê Lợi	22	22			100%		THCS Lê Lợi	15	15			100%
5	MN Mỹ Độ	9	9			100%		TH Minh Khai	10	10			100%		THCS Mỹ Độ	8	8			100%
6	MN Hoa Hồng	14	14			100%		TH Nam Hồng	32	32			100%		THCS Hoàng Văn Thụ	20	20			100%
7	MN Tr Ng Hãn	11	9		2	82%		TH Lê Hồng Phong	33	33			100%		THCS Trần Nguyên Hãn	18	18			100%
8	MN Bình Minh	11	11			100%		TH Đông Thành	22	22			100%		THCS Xương Giang	13	13			100%
9	MN Dĩnh Kế	19	19			100%		TH Dĩnh Kế	34	34			100%		THCS Dĩnh Kế	24	24			100%
10	MN Đa Mai	12	12			100%		TH Đa Mai	18	18			100%		THCS Lý Tự Trọng	11	11			100%
11	MN Song Mai	14	14			100%		TH Song Mai	31	31			100%		THCS Song Mai	17	17			100%
12	MN Tân Mỹ	26	21	3	2	80.8%		TH Tân Mỹ	30	30			100%		THCS Tân Mỹ	20	20			100%
13	MN Tân Tiến	18	15	3		83.3%		TH Tân Tiến	34	34			100%		THCS Tân Tiến	16	16			100%
14	MN Song Khê	13	13			100%		TH Ng Khắc Nhu	11	11			100%		THCS Nguyễn Khắc Nhu	8	8			100%
15	MN Đồng Sơn	26	22	4		84.6%		TH Đồng Sơn	25	25			100%		THCS Lê Quý Đôn	20	20			100%
16	MN Dĩnh Trì	19	19			100%		TH Dĩnh Trì	31	31			100%		THCS Đồng Sơn	16	16			100%
17	MN Bắc Giang	18	18			100%								THCS Dĩnh Trì	28	28			100%	
Tổng số		267	253	10	4	94.8	0		435	435	0	0	100.0	0		313	313	0	0	100.0